

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06-01-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Minh Khánh  
Bà Nguyễn Thị Bích

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/12/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ cuối cùng ở Việt Nam: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện lao động tại nước ngoài không có địa chỉ).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 19 tháng 01 năm 2009 chị và anh Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Anh chị được gia đình hai bên

tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh L làm dâu một thời gian đầu, sau đó năm 2016 vợ chồng chị về bên gia đình nhà bố mẹ đẻ chị (ở cùng thôn) sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2018, anh L xuất khẩu lao động sang Đài Loan. Thời gian đầu sau khi sang Đài Loan, anh L thường xuyên gọi điện về cho gia đình hỏi thăm vợ con. Tuy nhiên, cách đây khoảng 1 năm thì chị nghe tin anh L hiện đang chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác ở bên Đài Loan nhưng do khoảng cách địa lý chị không biết tin đó có chính xác hay không và vì các con, cũng như không muốn tình cảm vợ chồng mâu thuẫn nên chị coi như không biết gì. Cách đây 2 tuần, con trai chị vào ứng dụng Tiktok thì thấy bố cháu (anh L) đăng ảnh thân mật, đi chơi với người phụ nữ khác trên Tiktok và cháu cho cả gia đình xem. Sau đó chị có gọi hỏi anh L qua điện thoại thì anh L thừa nhận và đề xuất chị ở nhà tự làm thủ tục ly hôn nhưng không cho chị biết địa chỉ nơi ở chính xác của anh L hiện nay đang ở đâu bên Đài Loan. Nay anh L đã công khai mối quan hệ với người phụ nữ khác trên mạng xã hội, bản thân chị không thể chấp nhận được sự việc này. Niềm tin đã bị đổ vỡ, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Chị xác định không còn tình cảm với anh L, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh L có 02 người con là Nguyễn Thế L, sinh ngày 16/01/2010 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 17/10/2012. Hiện nay các con đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung Nguyễn Thế L và Nguyễn Minh Q cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị yêu cầu anh L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 01 con đối với con Nguyễn Minh Q đến khi nào cháu Quân đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, ngày 15/11/2021 chị có đơn thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chị đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức cấp dưỡng mỗi một con chung là 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con chung, đến khi các con chung đủ 18 tuổi và thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2022 đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn L hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể.* Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh L.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố mẹ của anh L là bà Nguyễn Thị T có quan điểm trình bày như sau:

Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn L có địa chỉ như trên. Hiện nay anh L đang đi lao động tại Đài Loan không có mặt ở tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của anh L ở bên nước ngoài thì bà không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình thông báo để anh L gửi quan điểm về cho Tòa án thì gia đình từ chối thực hiện.

- Về việc chị N xin ly hôn thì anh L có nắm được và thông báo thụ lý vụ án gia đình bà nhận gia đình bà đã thông báo cho anh L nhưng anh L cũng không có quan điểm gì trao đổi với gia đình cũng như không gửi quan điểm gì về. Anh L và

chị N có trao đổi với nhau về việc ly hôn nhưng anh L cũng không có quan điểm gì, đây là việc riêng của hai con nên bà cũng không có ý kiến gì. Anh L và chị N cũng có mâu thuẫn với nhau gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành.

Về con chung: Anh L và chị N có hai con chung là Nguyễn Thế L, sinh ngày 16/01/2010 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 17/10/2012. Hiện hai con chung đang ở với chị N. Sau khi ly hôn gia đình bà đồng ý để chị N nuôi dưỡng hai con chung. Sau này anh L về nước thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh L và chị N thỏa thuận cho các con nên bà cũng không có ý kiến gì, anh L và chị N tự giải quyết với nhau.

*Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Thế L và cháu Nguyễn Minh Q:* Cháu L và cháu Q đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

*Tại phiên tòa sơ thẩm,* chị Hoàng Thị N xin vắng mặt, anh Nguyễn Văn L vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án:

Giải quyết cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thế L, sinh ngày 16/01/2010 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 17/10/2012 cho chị N nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: buộc anh L cấp dưỡng nuôi một con chung với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/01 tháng/01con, thời gian cấp dưỡng kể từ khi xét xử sơ thẩm tháng 1/2022 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, công nợ: chị N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị N khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn L. Bị đơn anh Nguyễn Văn L là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Theo công văn số: 24532/QLXNC-P5 ngày 22/10/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp, anh Nguyễn Văn L đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 01/02/2020, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh L. Như vậy, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Hoàng Thị N là nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc mẹ của anh L là bà Nguyễn Thị T để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà T thông báo cho anh L biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Hoàng Thị N và anh L, yêu cầu bà T cung cấp địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài. Bà Nguyễn Thị T trình bày: Anh L con trai bà vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà T vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh L cho Tòa án. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Nên căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn L.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Theo chị Hoàng Thị N trình bày: Ngày 19 tháng 01 năm 2009 chị và anh Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh L làm dâu một thời gian đầu, năm 2016 vợ chồng chị về bên gia đình nhà bố mẹ đẻ chị (ở cùng thôn) sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2018, anh L xuất khẩu lao động sang Đài Loan. Thời gian đầu sau khi sang Đài Loan, anh L thường xuyên gọi điện về cho gia đình hỏi thăm vợ con. Tuy nhiên, cách đây khoảng 1 năm thì chị nghe tin anh L hiện đang chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác ở bên Đài Loan, sau một thời gian con trai chị vào ứng dụng Tiktok thì thấy bố cháu (anh L) đăng ảnh

thân mật, đi chơi với người phụ nữ khác trên Tiktok và cháu cho cả gia đình xem. Sau đó chị có gọi hỏi anh L qua điện thoại thì anh L thừa nhận và đề xuất chị ở nhà tự làm thủ tục ly hôn. Nên chị khởi kiện xin ly hôn đối với anh L.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn L là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Hiện chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn L mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn L đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

[4]. Về con chung: Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thế L, sinh ngày 16/01/2010 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 17/10/2012. Hiện nay con chung đang ở cùng với chị N. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, với mức cấp dưỡng mỗi một con chung là 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con chung, đến khi các con chung đủ 18 tuổi và thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2022 đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N, Hội đồng xét xử thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh L đang lao động ở nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hai con chung từ khi anh L đi lao động nước ngoài vẫn do chị N chăm sóc, các con chung phát triển bình thường. Mặt khác, cháu L và cháu Q trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị Hoàng Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thế L, sinh ngày 16/01/2010 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 17/10/2012 là phù hợp điều kiện thực tế cũng như đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung và nguyện vọng của các con.

[5]. Về mức cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử thấy: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị N yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 01 con đối với con Nguyễn Minh Q đến khi nào cháu Quân đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, ngày 15/11/2021 chị N thay đổi yêu cầu cấp dưỡng, cụ thể chị N yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi hai con chung, với mức cấp dưỡng mỗi một con chung là 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con chung, đến khi các con chung đủ 18 tuổi và thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2022 đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Yêu cầu của chị N là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng chị N yêu cầu anh L cấp dưỡng đối với mỗi một con chung cùng chị là 1.500.000đ/01 con/01 tháng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của chị N là có căn cứ, anh L hiện đang lao động nước ngoài có việc làm, có thu nhập nên chị N yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là có căn cứ. Các con chung của chị N, anh L đang tuổi phát triển, các cháu đang đi học do vậy mức cấp dưỡng chị N yêu cầu 1.500.000đ/01 con/01 tháng là phù hợp khả năng của anh L và nhu cầu thiết yếu đối với các con chung được cấp dưỡng. Nên căn cứ Điều 115, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N. Buộc anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị N, mức cấp dưỡng đối với mỗi con chung là 1.500.000 đồng/01 con /01 tháng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về lãi suất chậm thi hành án: Do vắng mặt các đương sự không thỏa thuận được, nên kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp anh L về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung, hoặc vì lợi ích con chung anh L có quyền khởi kiện xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Chị N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 2 Điều 123, Điều 127, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thế L, sinh ngày 16/01/2010 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 17/10/2012 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị Hoàng Thị N, mức cấp dưỡng đối với mỗi một con chung là 1.500.000 đồng/01 con/01 tháng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2022 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000128 ngày 11/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn L hiện đang cư trú ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đ, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**